LỊCH HỌC THỰC HÀNH

(TUẦN 40 - Từ ngày 13 tháng 06 đến ngày 19 tháng 06 năm 2022)

ĐƠN VỊ: KHOA CƠ KHÍ

TT	Hệ	Khóa	Lớp	Nhóm	SL HSSV	Học phần/ Môn học	2														Giáo viên	Ghi chú
							Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		CN			
							Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng		
1	ĐH	15	20212ME6012001	3	25	CTM											2	103-A9			N.T.T. Hường	
2	ĐH	15	20212ME6012006	1	25	CTM	1	103-A9													N.T.T. Hường	
3	ĐH	15	20212ME6012009	3	25	CTM			2	103-A9											N.T.T. Hường	
4	ĐH	15	20212ME6012011	3	25	CTM			1	103-A9											B. H. Kiên	
5	ĐH	15	20212ME6012011	3	25	CTM							1	103-A9							B. H. Kiên	
6	ĐH	15	20212ME6012012	1,2	25	CTM							2	103-A9							B. H. Kiên	
7	ĐH	16	20212ME6058003	1	25	NL-CTM									1	103-A9					T. N. Quyết	1/2 ca
8	ĐH	16	20212ME6058001	3	25	NL-CTM											1	103-A9			B. H. Kiên	
9	ĐH	16	20212ME6058003	2	24	NL-CTM					1	103-A9									T. N. Quyết	
10	CĐ	23	20212ME5032007	2	34	VKT			2	208-A10											T. N. Quyết	
11	CĐ	23	20212ME5032007	3	34	VKT					2	208-A10									T. N. Quyết	
12	CĐ	23	20212ME5032003	1	34	VKT	1	208-A10	1	208-A10											T. A. Sơn	
13	CĐ	23	20212ME5032003	2	34	VKT	2	208-A10	3	208-A10											T. A. Sơn	
14	CĐ	23	20212ME5016002	2	32	CAD	1	307-A10							1	307-A10	1	307A10			B.T.Tài	
15	CĐ	23	20212ME5016002	2	32	CAD	2	307-A10							2	307-A10	2	307A10			B.T.Tài	
16	CĐ	23	20212ME5016002	2	32	CAD			1	307-A10			1	307-A10							N.T. Linh	
17	CĐ	23	20212ME5016002	2	32	CAD			2	307-A10			2	307-A10							N.T. Linh	
18	CĐ	23	20213ME5032002	1	26	VKT									1	208-A10	1	208-A10			N.T.Dũng	
19	CĐ	23	20213ME5032002	2	25	VKT									2	208-A10	2	208-A10			N.T.Dũng	
20	ĐH	K15	ME6111.4	2	25	Kỹ thuật Robot					1	201- A10									N.V. Trường	
21	ĐH	K15	ME6044.1	2	35	CB&HTD			1	203- A10											B.T. Lâm	
22	ĐH	K15	ME6044.4	1	35	CB&HTD					1	203- A10									B.T. Lâm	
23	ĐH	K15	ME6044.4	2	35	CB&HTD					2	203- A10									B.T. Lâm	
24	ĐH	K15	ME6044.5	1	27	CB&HTD			2	203- A10											P.Đ. Hiếu - B.T Lâm	
25	ĐH	K15	20212ME6022001	1	25	HTTĐTK	2	204 - A10													L.V. Hải	
26	ĐH	K15	20212ME6022001	2	25	HTTĐTK			2	204 - A10											L.V. Hải	
27	ĐH	K15	20212ME6022001	3	25	HTTĐTK					2	204 - A10									L.V. Hải	
28	ĐH	K15	20212ME6022003	1	25	HTTĐTK	1	204 - A10													L.V. Hải	
29	ĐH	K15	20212ME6022003	2	25	HTTĐTK			1	204 - A10											L.V. Hải	
30	ĐH	K15	20212ME6022003	3	25	HTTĐTK					1	204 - A10									L.V. Hải	
31	ĐH	K15	20212ME6022004	1	25	HTTĐTK											1	204 - A10			L.V. Hải	

32	ĐH	K15	20212ME6022004	2	25	HTTĐTK											2	204 - A10			L.V. Hải	
33	ĐH	K15	20212ME6022004	3	25	HTTĐTK													1	204 - A10	L.V. Hải	
34	ĐH	K15	20212ME6022002	1	25	HTTĐTK							1	204 - A10							L.N. Duy	
35	ĐH	K15	20212ME6022002	2	25	HTTĐTK							2	204 - A10							L.N. Duy	
36	ĐH	K15	20212ME6022002	3	25	HTTĐTK							3	204 - A10							L.N. Duy	
37	ĐH	K15	20212ME6022005	1	25	HTTĐTK									1	204 - A10					T. A. Sơn	
38	ĐH	K15	20212ME6022005	2	25	HTTĐTK									2	204 - A10					T. A. Sơn	
39	ĐH	K15	20212ME6022005	3	25	HTTĐTK									3	204 - A10					T. A. Sơn	
40	ĐH	14	20212ME6032001	1	23	TĐHQTSX									1	Zone4-T5-A10					N.T.Sỹ	
41	ĐH	14	20212ME6032001	2	23	TĐHQTSX											2	Zone 4-Tầng 5-A10			T.Q.Hùng	
42	ĐH	14	20212ME6032001	3	23	TĐHQTSX							1	Zone 4-Tầng 5-A10							T.V.Long	
43	ĐH	14	20212ME6032002	1	23	TĐHQTSX											1	Zone 4-Tầng 5-A10			T.Q.Hùng	
44	ĐH	14	20212ME6032002	2	23	TĐHQTSX									2	Zone 4-Tầng 5-A10					N.H.Sơn	
45	ĐH	14	20212ME6032002	3	23	TĐHQTSX							2	Zone 4-Tầng 5-A10							N.H.Sơn	
46	ĐH	14	20212ME6007001	1	23	TN CNCTM2			1	106-A9											Đ.Đ.Trung	
47	ĐH	14	20212ME6007001	2	23	TN CNCTM2	2	106-A9													Đ.Đ.Trung	
48	ĐH	14	20212ME6007001	3	24	TN CNCTM2	3	106-A9													Đ.Đ.Trung	
49	ĐH	14	20212ME6007002	1	23	TN CNCTM2			2	106-A9											Đ.Đ.Trung	
50	ĐH	14	20212ME6007002	2	23	TN CNCTM2	1	106-A9													T.N. Tân	
51	ĐH	14	20212ME6007002	3	24	TN CNCTM2			3	106-A9											T.N. Tân	
52	ĐH	14	20212ME6007003	1	23	TN CNCTM2									1	106-A9					N.V.Hùng	
53	ĐH	14	20212ME6007003	2	23	TN CNCTM2					2	106-A9									D.V.Đức	
54	ĐH	14	20212ME6007003	3	24	TN CNCTM2					3	106-A9									D.V.Đức	
55	ĐH	14	20212ME6007004	1	23	TN CNCTM2									2	106-A9					N.T.Mai	
56	ĐH	14	20212ME6007004	2	23	TN CNCTM2							1	106-A9							Đ.Đ.Trung	
57	ĐH	14	20212ME6007004	3	24	TN CNCTM2							3	106-A9							D.V.Đức	
58	ĐH	14	20212ME6007005	1	23	TN CNCTM2											1	106-A9			N.T.Mai	
59	ĐH	14	20212ME6007005	2	23	TN CNCTM2							2	106-A9							D.V.Đức	
60	ĐH	14	20212ME6007005	3	24	TN CNCTM2									3	106-A9					T.N. Tân	
61	ĐH	14	20212ME6007006	1	23	TN CNCTM2											2	106-A9			T.N. Tân	
62	ĐH	14	20212ME6007006	2	23	TN CNCTM2					1	106-A9									T.N. Tân	
63	ĐH	14	20212ME6007006	3	24	TN CNCTM2											3	106-A9			T.N. Tân	